

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch khuyến nông tỉnh Thanh Hóa năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;

Căn cứ Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Chương trình khuyến nông tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026 - 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1418/TTr-SNNMT ngày 20/11/2025 (kèm theo ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 11997/STC-KTN ngày 13/11/2025).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch khuyến nông tỉnh Thanh Hóa năm 2026 (Chi tiết tại phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về nghiệp vụ để các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch khuyến nông tỉnh Thanh Hóa năm 2026, đảm bảo theo đúng quy định hiện hành của pháp luật; đồng thời, theo chức năng nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm chủ động theo dõi, hướng dẫn và giải quyết các công việc liên quan đến việc tổ chức thực hiện của các đơn vị theo quy định.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan, thẩm định và tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch khuyến nông tỉnh Thanh Hóa năm 2026 vào dự toán ngân sách địa phương năm 2026, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

3. Giao Trung tâm Khuyến nông tỉnh; Hội Nông dân tỉnh; Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình Thanh Hóa; Trung tâm Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao Khoa học công nghệ (Trường Đại học Hồng Đức); Hội Làm vườn và Trang trại tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch khuyến nông tỉnh Thanh Hóa năm 2026 theo đúng nội dung, mục tiêu đề ra, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước tiết kiệm, thiết thực, hiệu quả và đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh, Tổng Biên tập Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình Thanh Hóa, Giám đốc Trung tâm Khuyến nông tỉnh, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao Khoa học công nghệ (Trường Đại học Hồng Đức), Chủ tịch Hội Làm vườn và Trang trại tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/cáo);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT, KTTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Cao Văn Cường

KẾ HOẠCH
KHUYẾN NÔNG TỈNH THANH HÓA NĂM 2026
(kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Chuyển giao có hiệu quả các tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất nông nghiệp phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp trong giai đoạn mới, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế, tạo sinh kế cho người sản xuất; phát triển nông nghiệp xanh, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải, bảo vệ môi trường, chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa, đa giá trị, phát huy lợi thế, phù hợp với nhu cầu thị trường và hướng đến phát triển bền vững, góp phần thực hiện thắng lợi Chương trình khuyến nông tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Thông tin tuyên truyền

- Xây dựng và phát sóng 129 chuyên mục khuyến nông trên Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình Thanh Hóa, trong đó: 76 chuyên mục truyền hình, 53 chuyên mục truyền thanh (72 chuyên mục truyền hình được dịch ra tiếng Mông và tiếng Thái); 20 bản tin khuyến cáo trên chương trình thời sự của Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình Thanh Hóa.

- Xuất bản 3.000 cuốn lịch sản xuất nông nghiệp năm 2027; 4 số tập san thông tin Nông nghiệp và Môi trường, sản xuất 01 phim kỹ thuật nông nghiệp.

- Tổ chức 20 cuộc hội thảo đầu bờ nhân rộng mô hình; 3 cuộc diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp.

- Tổ chức 05 bài quảng bá khuyến nông: Gồm các hoạt động tuyên truyền, quảng bá trên Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình Thanh Hóa, Báo Nông nghiệp và Môi trường.

- Mua sắm thiết bị phục vụ công tác thông tin bao gồm: Mua 01 bộ máy quay phim chuyên dụng, mua 01 bộ thiết bị quay phim trên không (flycam), mua máy tính dựng sản xuất chương trình truyền hình, mua phần mềm dựng sản xuất chương trình và các phần mềm hỗ trợ, mua ổ cứng di động 18Tb.

- Tổ chức 01 chuyên khảo sát học tập kinh nghiệm tại tỉnh ngoài.

2.2. Đào tạo và tập huấn

Tổ chức 28 lớp đào tạo, tập huấn cho khuyến nông viên cơ sở, cộng tác viên khuyến nông, tổ khuyến nông cộng đồng và nông dân; 12 lớp tập huấn FFS cho cộng tác viên khuyến nông, tổ khuyến nông cộng đồng và nông dân tại các địa phương trong tỉnh; 10 lớp tập huấn cho nông dân tại các xã trên địa bàn tỉnh được tiếp cận, nắm bắt các chính sách mới về ngành nông nghiệp, khuyến nông, kiến thức thị trường; nâng cao kỹ năng quản lý, kỹ thuật sản xuất, đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, chất lượng cao, an toàn thực phẩm, nâng cao giá trị sản phẩm.

2.3. Xây dựng và nhân rộng mô hình

Xây dựng 24 mô hình trình diễn, trong đó: trồng trọt 05 mô hình; chăn nuôi 07 mô hình; lâm nghiệp 05 mô hình; thủy sản 07 mô hình.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Thông tin tuyên truyền

1.1. Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; xuất bản tài liệu, các loại ấn phẩm khuyến nông; bản tin, trang thông tin điện tử khuyến nông

a) Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng

- Hàng tháng xây dựng các chuyên mục khuyến nông trên Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình Thanh Hóa (mỗi tháng từ 6 - 7 chuyên mục truyền hình, 4 - 5 chuyên mục phát thanh, phần lớn các chuyên mục truyền hình được dịch ra tiếng Mông và tiếng Thái); xây dựng các chuyên mục phóng sự trên truyền hình, tuyên truyền các chủ trương, chính sách về nông nghiệp và phát triển nông thôn, chương trình OCOP; giới thiệu các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới trong nông nghiệp, các gương nông dân sản xuất giỏi, hợp tác xã nông nghiệp sản xuất hiệu quả, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, dự báo tình hình sản xuất nông nghiệp, thông tin giá cả thị trường.

- Tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước; các phương án sản xuất nông nghiệp theo mùa vụ, hàng năm của Sở Nông nghiệp và Môi trường; các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp mang lại hiệu quả; giới thiệu các mô hình sản xuất nông lâm nghiệp mang lại hiệu quả, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm,... trên trang thông tin điện tử Sở Nông nghiệp và Môi trường, Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình Thanh Hóa, Báo Nông nghiệp và Môi trường; các chuyên mục khuyến nông phát sóng trên Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình Thanh Hóa để đăng phát trên kênh Youtube, fanpage của Đài.

- Trung tâm Khuyến nông tỉnh phối hợp với các cơ quan báo, đài để tuyên truyền, quảng bá hoạt động khuyến nông; xây dựng video clip hướng dẫn kỹ thuật; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường khai thác các mạng xã hội chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, hướng dẫn sản xuất cho người dân.

- Mua sắm thiết bị phục vụ công tác thông tin để nâng cao chất lượng công tác thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; đa dạng hoá công tác thông tin tuyên truyền phục vụ tốt hơn cho việc chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật.

b) Xuất bản tài liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông

- In và phát hành 4 số tập san thông tin Nông nghiệp và Môi trường với các nội dung chính như thông tin về các chính sách, pháp luật mới của nhà nước liên quan đến nông nghiệp, nông thôn, giúp người dân nắm bắt và thực hiện đúng; giới thiệu các mô hình sản xuất hiệu quả, các tấm gương nông dân sản xuất giỏi, giúp lan tỏa các điển hình tốt; chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật, đưa tin về các hoạt động khuyến nông ở địa phương, các mô hình, dự án khuyến nông đang triển khai; chia sẻ kinh nghiệm thực tế của các nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp trong sản xuất, kinh doanh, quản lý, giúp người đọc học hỏi và áp dụng.

- In và phát hành 3.000 cuốn lịch sản xuất nông nghiệp với nội dung chính về xây dựng khung thời vụ hợp lý, khoa học trên các đối tượng cây trồng, vật nuôi, giúp cho nông dân áp dụng và thực tế sản xuất hiệu quả.

1.2. Tổ chức hội thảo, diễn đàn, tham quan học tập

- Tổ chức các cuộc hội thảo để thảo luận, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, giới thiệu các mô hình sản xuất hiệu quả và đề xuất giải pháp để nhân rộng mô hình trong sản xuất nông nghiệp.

- Tổ chức các diễn đàn khuyến nông, đây là nơi gặp gỡ trao đổi thông tin trực tiếp giữa 4 nhà đó là: Nhà quản lý, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp và nhà nông với nội dung gắn với các vấn đề thời sự của ngành nông nghiệp và vai trò, nhiệm vụ của hệ thống khuyến nông, thu hút đông đảo lượng người quan tâm theo dõi, đặt câu hỏi; tại diễn đàn những vướng mắc về cơ chế chính sách, thị trường tiêu thụ và các vấn đề về khoa học kỹ thuật được các chuyên gia giải đáp, tuyên truyền, phổ biến hướng dẫn. Thông qua diễn đàn là cầu nối giúp cho nông dân tiếp cận tốt hơn với khoa học kỹ thuật và thị trường từ đó thúc đẩy sản xuất nông nghiệp tốt nhất.

- Tổ chức các đoàn khảo sát, tham quan học tập, trao đổi chia sẻ kinh nghiệm về việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất, nhất là xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, mô hình khuyến nông, mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; tiếp cận và học tập mô hình có hiệu quả tại các tỉnh thành trong nước.

2. Đào tạo và tập huấn

2.1. Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực, kỹ năng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ

- Mục tiêu: Tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng nâng cao kiến thức, chất lượng nguồn nhân lực nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, cộng tác viên khuyến

nông có đủ trình độ, năng lực, kinh nghiệm phương pháp, kỹ năng trong việc chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; giúp người nông dân nâng cao kiến thức, kỹ năng sản xuất và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, khoa học công nghệ, phương thức canh tác tiên tiến vào sản xuất, nâng cao năng suất, sản lượng, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa.

- Đối tượng tập huấn: Cán bộ khuyến nông, thành viên tổ khuyến nông cộng đồng, khuyến nông viên cơ sở, cộng tác viên khuyến nông, thành viên hợp tác xã, tổ hợp tác, nông dân, chủ trang trại...

- Nội dung tập huấn: Cập nhật những tiến bộ kỹ thuật mới, công nghệ đột phá vào sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, về tư duy kinh tế nông nghiệp, kinh tế xanh, nông nghiệp đa giá trị, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường, chuyển đổi số và phát triển kinh tế số, kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp... phù hợp với định hướng của Trung ương, của tỉnh và điều kiện cụ thể của từng địa phương.

- Quy mô: 28 lớp (35 người/lớp).

- Thời gian tổ chức: 2 ngày/lớp.

2.2. Đào tạo huấn luyện kỹ thuật theo phương pháp FFS

- Mục tiêu: Tổ chức các lớp huấn luyện theo phương pháp FFS trên cây lúa, ớt, ngô, khoai tây (cây lúa: 4 lớp; cây ớt: 2 lớp; cây ngô: 3 lớp; khoai tây: 3 lớp) cho 300 lượt nông dân tại các địa phương trong tỉnh theo chu kỳ sinh trưởng và phát triển của cây trồng giúp cho học viên nắm chắc về lý thuyết và vận dụng thành thạo vào sản xuất.

- Đối tượng tập huấn: Là nông dân trực tiếp sản xuất trồng trọt ở địa phương, khuyến nông viên cơ sở, cộng tác viên khuyến nông, tổ khuyến nông cộng đồng.

- Quy mô: 12 lớp FFS (25 người/lớp)

2.3. Tập huấn nâng cao kiến thức và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới, tổ chức quản lý sản xuất cho người nông dân

- Mục tiêu: Tập huấn chuyển giao những tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất nông nghiệp như: Phương thức ứng dụng cơ giới hóa, phương pháp trồng, chăm sóc một số đối tượng cây trồng, con nuôi mới có giá trị kinh tế cao, kỹ thuật sản xuất theo hướng hữu cơ... Từ những kiến thức được truyền đạt, người dân có thể áp dụng vào sản xuất nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế hướng tới phát triển một nền nông nghiệp an toàn và bền vững.

- Đối tượng tập huấn: Nông dân trên địa bàn tỉnh.

- Nội dung tập huấn:

+ Kiến thức về tổ chức sản xuất (gồm quản lý sản xuất, chuyển giao, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới) nhằm phát triển các loại cây trồng, vật nuôi, thủy sản có chất lượng, giá trị kinh tế cao; phát triển bền vững các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung theo hướng sản xuất hiện đại gắn với ứng dụng cơ giới hóa, công nghệ cao, công nghệ số trong quản lý sản xuất và truy xuất nguồn gốc sản phẩm; kiến thức về phát triển nông nghiệp bền vững gắn với bảo vệ môi trường.

+ Bồi dưỡng, nâng cao kiến thức về tổ chức và quản lý mô hình nông nghiệp đáp ứng nhu cầu thị trường; các mô hình sản xuất nông nghiệp kết hợp với du lịch sinh thái, giáo dục trải nghiệm; mô hình nông nghiệp theo hướng sinh thái, công nghệ cao, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, sản xuất hữu cơ, giảm phát thải khí nhà kính, chuyển đổi số và phát triển kinh tế số; mô hình đa giá trị; sử dụng công nghệ thông tin trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, truy xuất nguồn gốc, quản lý vùng trồng.

- Quy mô: 10 lớp (50 người/lớp)

- Thời gian tổ chức: 01 ngày/lớp.

3. Xây dựng và nhân rộng mô hình

3.1. Lĩnh vực trồng trọt

Tập trung xây dựng các mô hình khuyến nông trên các sản phẩm chủ lực theo hướng công nghệ cao, hữu cơ, giảm phát thải, nâng cao năng suất và chất lượng, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm, cụ thể:

(1) Mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất lúa chất lượng theo hướng giảm phát thải gắn với tiêu thụ sản phẩm: Thực hiện với quy mô 160 ha với mục tiêu áp dụng tiến bộ kỹ thuật và các biện pháp canh tác kỹ thuật như IPHM, ICM, IPM, SRI, 3 tầng 3 giảm, tưới nước tiết kiệm..., áp dụng cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp giúp người nông dân giảm chi phí sản xuất (giảm lượng giống, giảm thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ cỏ, phân bón, công lao động,...) nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm phục vụ nội tiêu và xuất khẩu lúa gạo, đồng thời góp phần giảm lượng khí phát thải nhà kính tại các vùng sản xuất lúa. Xây dựng và phát triển bền vững vùng lúa, liên kết sản xuất với tiêu thụ lúa giữa nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp.

(2) Mô hình sản xuất bí xanh theo hướng VietGAP: Thực hiện với quy mô 10 ha, nhằm áp dụng các quy trình theo hướng VietGAP trong sản xuất rau quả an toàn, nâng cao năng suất, chất lượng và an toàn thực phẩm; gắn sản xuất với liên kết tiêu thụ ổn định, hình thành các vùng sản xuất tập trung rau quả an toàn, giảm chi phí đầu vào, góp phần nâng cao thu nhập cho nông dân, phát triển nông nghiệp an toàn và bền vững.

(3) Mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng cây hàng năm kém hiệu quả sang trồng cây na: Thực hiện với quy mô 4 ha nhằm khai thác lợi thế đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tăng năng suất, chất lượng và

giá trị sản phẩm; gắn sản xuất với liên kết tiêu thụ để ổn định đầu ra, nâng cao thu nhập cho nông dân và phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững.

(4) Mô hình sản xuất hàng hoá tập trung cây ngô ngọt gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm: Thực hiện với quy mô 20 ha nhằm ứng dụng tiến bộ kỹ thuật nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; hình thành vùng sản xuất tập trung gắn với liên kết tiêu thụ ổn định, góp phần tăng thu nhập cho nông dân, chuyển đổi cơ cấu cây trồng hợp lý, bảo vệ môi trường và phát triển nông nghiệp hàng hóa bền vững.

(5) Xây dựng mô hình thâm canh các giống nho mới theo tiêu chuẩn VietGAP gắn với thị trường tiêu thụ: Thực hiện với quy mô 0,5 ha, mục tiêu đưa nhanh các tiến bộ khoa học kỹ thuật, xây dựng và hình thành các vùng sản xuất hàng hoá tập trung, trồng một số các loại giống nho mới theo tiêu chuẩn VietGAP, phù hợp với điều kiện sinh thái của tỉnh nhằm đột phá về năng suất sản lượng, chuyển dịch cơ cấu cây trồng và nâng cao hiệu quả kinh tế, tiến đến nhân rộng, tạo vùng nguyên liệu để phát triển thành sản phẩm OCOP tại các địa phương trong tỉnh.

3.2. Lĩnh vực chăn nuôi

Tập trung chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới, xây dựng các mô hình khuyến nông trên các sản phẩm chủ lực, theo hướng công nghệ cao; phát triển chăn nuôi vật nuôi bản địa, con nuôi đặc sản, nâng cao năng suất và chất lượng, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm, cụ thể:

(1) Mô hình chăn nuôi gà thịt thương phẩm gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm: Thực hiện với quy mô 14.000 con nhằm ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế; đảm bảo an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường; tạo chuỗi giá trị bền vững, góp phần phát triển ngành chăn nuôi hàng hóa hiện đại.

(2) Mô hình chăn nuôi ngan Pháp thương phẩm gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm: Thực hiện với quy mô 3.700 con nhằm ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế; đảm bảo an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường; tạo chuỗi giá trị bền vững, góp phần phát triển ngành chăn nuôi hàng hóa hiện đại.

(3) Mô hình chăn nuôi vịt siêu thịt thương phẩm gắn với tiêu thụ sản phẩm: Thực hiện với quy mô 9.000 con nhằm ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế; đảm bảo an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường; tạo chuỗi giá trị bền vững, góp phần phát triển ngành chăn nuôi hàng hóa hiện đại.

(4) Mô hình chăn nuôi gà sinh sản theo hướng công nghệ cao gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm: Thực hiện với quy mô 5.000 con nhằm ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ (chuồng nuôi hiện đại, tự động hóa khâu cho ăn, uống, kiểm soát nhiệt độ - độ ẩm, xử lý chất thải...), nâng cao năng suất, chất

lượng và hiệu quả kinh tế; đảm bảo an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường; hình thành chuỗi giá trị bền vững, góp phần thúc đẩy phát triển ngành chăn nuôi theo hướng bền vững và cạnh tranh.

(5) Mô hình nuôi ong lấy mật tạo sản phẩm OCOP: Thực hiện với quy mô 160 đàn, áp dụng quy trình kỹ thuật nuôi ong an toàn để lấy mật làm sản phẩm OCOP, nhằm đa dạng đối tượng vật nuôi và sản phẩm chăn nuôi, khai thác các tiềm năng sẵn có từ tự nhiên tại các vùng sinh thái phù hợp, phát huy lợi thế vùng miền hướng đến sản xuất hàng hóa đặc trưng, chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu của thị trường, nâng cao thu nhập cho nông hộ và thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn bền vững.

(6) Mô hình chăn nuôi vịt Bầu thương phẩm nhằm phục vụ phát triển du lịch và đáp ứng nhu cầu thị trường: Thực hiện với quy mô 2.500 con, xây dựng hướng chăn nuôi vịt Bầu hàng hóa đặc sản gắn với thế mạnh miền núi, vừa tạo nguồn thực phẩm an toàn, chất lượng cao phục vụ nhu cầu tiêu dùng, vừa hình thành sản phẩm du lịch trải nghiệm đặc trưng, qua đó góp phần bảo tồn giống bản địa, nâng cao giá trị kinh tế và thúc đẩy sinh kế bền vững cho người dân địa phương.

(7) Mô hình chăn nuôi vịt Cổ Lũng thương phẩm nhằm phục vụ phát triển du lịch và đáp ứng nhu cầu thị trường: Thực hiện với quy mô 5.000 con, xây dựng hướng chăn nuôi vịt Cổ Lũng hàng hóa đặc sản gắn với thế mạnh miền núi, vừa tạo nguồn thực phẩm an toàn, chất lượng cao phục vụ nhu cầu tiêu dùng, vừa hình thành sản phẩm du lịch trải nghiệm đặc trưng, qua đó góp phần bảo tồn giống bản địa, nâng cao giá trị kinh tế và thúc đẩy sinh kế bền vững cho người dân địa phương.

3.3. Lĩnh vực lâm nghiệp

Tập trung xây dựng các mô hình khuyến nông thông qua chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật, ứng dụng khoa học công nghệ, các giải pháp nông nghiệp hiệu quả và gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa, góp phần phát triển nông nghiệp bền vững, cụ thể:

(1) Mô hình trồng rừng thâm canh gỗ lớn theo hướng công nghệ cao gắn với tiêu thụ sản phẩm (keo lai mô): Thực hiện với quy mô 160 ha nhằm chuyển giao các giống keo lai có năng suất, chất lượng cao và tiến bộ kỹ thuật lâm sinh về trồng rừng keo lai góp phần hình thành vùng nguyên liệu sản xuất gỗ lớn theo hướng quản lý rừng bền vững phục vụ nhu cầu chế biến trong nước và xuất khẩu; nâng cao năng suất và chất lượng gỗ rừng trồng, tăng hiệu quả kinh tế cho các hộ tham gia.

(2) Mô hình trồng rừng thâm canh keo lá tràm theo hướng công nghệ cao: Thực hiện với quy mô 50 ha nhằm ứng dụng, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật về giống keo lá tràm sản xuất bằng công nghệ nuôi cấy mô, sinh trưởng nhanh, sinh

khối lớn, độ đồng đều cao phục vụ trồng rừng tại tỉnh; áp dụng đồng bộ biện pháp kỹ thuật trong trồng thâm canh để nâng cao năng suất, chất lượng gỗ rừng trồng, tạo ra sản phẩm có giá trị cao, đáp ứng nhu cầu thị trường và xuất khẩu, góp phần bảo vệ môi trường, sản xuất thích ứng với biến đổi khí hậu.

(3) Mô hình trồng rừng thâm canh cây quế làm vùng nguyên liệu cho chế biến tinh dầu và sản phẩm OCOP: Thực hiện với quy mô 12 ha nhằm chuyển giao tiến bộ kỹ thuật lâm sinh để phát triển cây quế theo hướng sản xuất hàng hoá, đảm bảo hình thành các vùng trồng quế tập trung tại một số địa phương có điều kiện phù hợp, tạo liên kết sản xuất gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ, là vùng nguyên liệu cho chế biến tinh dầu quế, hình thành chuỗi ngành hàng có giá trị cao; áp dụng đồng bộ các tiến bộ khoa học kỹ thuật nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị, thương hiệu và sức cạnh tranh của sản phẩm, đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu.

(4) Mô hình trồng thâm canh cây dược liệu gắn với tiêu thụ sản phẩm (cây gừng): Thực hiện với quy mô 3 ha nhằm chuyển giao tiến bộ kỹ thuật để phát triển cây gừng theo hướng sản xuất hàng hoá, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế; ổn định đầu ra cho người nông dân; phát triển vùng dược liệu bền vững.

(5) Mô hình trồng thâm canh cây dược liệu gắn với tiêu thụ sản phẩm (cát sâm): Thực hiện với quy mô 4 ha nhằm chuyển giao tiến bộ kỹ thuật để phát triển cây cát sâm theo hướng sản xuất hàng hoá, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế; ổn định đầu ra cho người nông dân; phát triển vùng dược liệu bền vững.

3.4. Lĩnh vực thủy sản

Tập trung xây dựng các mô hình khuyến nông ứng dụng các tiến bộ mới, công nghệ cao; phát triển nuôi trồng các đối tượng thủy đặc sản; các mô hình sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn VietGAP, nông nghiệp theo hướng hữu cơ, tuần hoàn, sinh thái, giảm phát thải và gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, cụ thể:

(1) Mô hình ứng dụng đồng bộ tiến bộ kỹ thuật nuôi tôm công nghệ cao đạt tiêu chuẩn VietGAP (tôm thẻ chân trắng): Thực hiện với quy mô 1 ha nhằm ứng dụng công nghệ cao, ứng dụng thiết bị công nghệ, công nghệ sinh học... vào nuôi tôm nhằm thúc đẩy nghề nuôi tôm trở thành ngành sản xuất chủ lực cung cấp nguyên liệu cho chế biến xuất khẩu và tiêu dùng trong nước, đồng thời nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, nâng cao hiệu quả kinh tế, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc.

(2) Phát triển nghề nuôi cá lồng trên hồ chứa gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm (cá nheo mỹ): Thực hiện với quy mô 400 m³ nhằm khai thác tiềm năng và sử dụng hiệu quả mặt nước để phát triển nuôi cá lồng thành một ngành sản xuất hàng hóa quy mô lớn. Tăng quy mô sản xuất và chuyển đổi sang lồng nuôi công nghiệp, đồng bộ, an toàn, hiệu quả, bền vững và thân thiện với môi trường sinh

thái; liên kết tiêu thụ tạo ra sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường trong và ngoài tỉnh; giải quyết việc làm, ổn định sinh kế, nâng cao thu nhập cho người dân vùng miền núi.

(3) Mô hình ứng dụng đồng bộ tiến bộ kỹ thuật nuôi thâm canh cá rô phi gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm: Thực hiện với quy mô 1,4 ha nhằm ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để nâng cao năng suất, chất lượng cá rô phi, đảm bảo an toàn thực phẩm và môi trường; giảm chi phí và rủi ro; tạo liên kết tiêu thụ ổn định; từ đó nâng cao hiệu quả kinh tế, cải thiện đời sống người nông dân và phát triển nuôi thủy sản bền vững.

(4) Mô hình ứng dụng đồng bộ tiến bộ kỹ thuật nuôi thâm canh cá vược gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm: Thực hiện với quy mô 1 ha nhằm khai thác tiềm năng, sử dụng hiệu quả diện tích mặt nước để phát triển nuôi cá vược có giá trị thành sản xuất hàng hóa quy mô lớn, an toàn, hiệu quả, bền vững, nâng cao năng suất và chất lượng thông qua việc ứng dụng đồng bộ tiến bộ kỹ thuật nuôi thâm canh, tạo ra sản phẩm có sức cạnh tranh cao, đồng thời đảm bảo chuỗi liên kết bền vững từ sản xuất đến tiêu thụ, góp phần tăng thu nhập và phát triển kinh tế cho người nuôi.

(5) Mô hình liên kết nuôi cá trê đồng theo hướng hữu cơ gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm: Thực hiện với quy mô 1 ha nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, đảm bảo an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, cải thiện đời sống người nông dân và phát triển nuôi thủy sản bền vững.

(6) Mô hình nuôi luân canh tôm càng xanh - lúa theo hướng hữu cơ: Thực hiện với quy mô 3 ha nhằm áp dụng quy trình quảng canh cải tiến trong nuôi luân canh các đối tượng nhằm đa dạng hoá đối tượng nuôi, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu thông qua việc sử dụng các loài thủy sản có khả năng chịu đựng tốt với điều kiện môi trường thay đổi có tính bền vững.

(7) Mô hình nuôi xen ghép cá - lúa theo hướng hữu cơ: Thực hiện với quy mô 3 ha nhằm đa dạng hoá đối tượng nuôi, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu thông qua việc sử dụng các loài thủy sản có khả năng chịu đựng tốt với điều kiện môi trường thay đổi có tính bền vững.

III. KINH PHÍ DỰ KIẾN

1. Kinh phí thực hiện dự kiến

Tổng kinh phí: Khoảng 27.762 triệu đồng (*Hai mươi bảy tỷ, bảy trăm sáu mươi hai triệu đồng*), trong đó:

- Ngân sách nhà nước (ngân sách tỉnh): Khoảng 19.226 triệu đồng (*mười chín tỷ, hai trăm hai mươi sáu triệu đồng*).

- Vốn đối ứng (xây dựng mô hình khuyến nông): Khoảng 8.536 triệu đồng (*tám tỷ, năm trăm ba mươi sáu triệu đồng*).

2. Nguồn vốn thực hiện

- Từ nguồn ngân sách tỉnh (nguồn kinh phí chi thường xuyên) cho hoạt động khuyến nông trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2026.
- Vốn đối ứng của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khuyến nông và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Hướng dẫn về nghiệp vụ để các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch chi tiết và triển khai thực hiện Kế hoạch khuyến nông tỉnh Thanh Hóa năm 2026, đảm bảo theo đúng quy định hiện hành của pháp luật; đồng thời, theo chức năng nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm chủ động theo dõi, hướng dẫn và giải quyết các công việc liên quan đến việc tổ chức thực hiện của các đơn vị theo quy định. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

- Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu cần thiết có sự thay đổi về nội dung kế hoạch (quy mô, địa điểm hoặc chuyển đổi mô hình, điều chuyển tăng giảm kinh phí thực hiện từ mô hình này sang mô hình khác...), Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh điều chỉnh theo đúng quy định.

2. Sở Tài chính

Trên cơ sở Kế hoạch khuyến nông năm 2026 được duyệt và căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị có liên quan thẩm định, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật.

3. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường để triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung nhiệm vụ của Kế hoạch.

4. Hội Nông dân tỉnh, Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình Thanh Hóa, Trung tâm Khuyến nông tỉnh, Trung tâm Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao Khoa học công nghệ (Trường Đại học Hồng Đức), Hội Làm vườn và Trang trại tỉnh, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch Khuyến nông năm 2026 theo đúng nội dung, mục tiêu đề ra, đảm bảo tiết kiệm, thiết thực, hiệu quả và đúng quy định.

Trên đây là Kế hoạch khuyến nông tỉnh Thanh Hóa năm 2026. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường (*qua Trung tâm Khuyến nông*) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.